

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T
(Trần Xuân T)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Kim Cúc

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân TPNĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị D, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số nhà 17/10 - Tổ 11 - Liên H 1 - phường Lộc H - TPNĐ - tỉnh Nam Định; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T (tức Trần Xuân T) - Sinh năm 1976; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 10 - thị trấn HT - huyện YT - tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Số nhà 17/10 - Tổ 11 - Liên H 1 - phường Lộc H - TPNĐ - tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI D V U ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình đề ngày 26-8-2019, bản tự khai ngày 05-3-2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HT - huyện YT - tỉnh Hòa Bình vào ngày 11-12-2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nợ nần, thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho các con. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Trần Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-10-2002; cháu Trần Phương T (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-10-2007 và cháu Trần Ngô Anh T (giới tính: Nữ), sinh ngày 25-5-2018. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Tài sản chung của vợ chồng*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ngày 29-4-2020, biên bản hòa giải ngày 29-4-2020 bị đơn là anh Trần Minh T (Trần Xuân T) trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn anh và chị Ngô Thị D sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sức khỏe của anh không đảm bảo nên không đi làm được. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh trình bày vợ chồng anh có 03 con chung như chị D trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Tuấn A, chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương T và cháu Trần Ngô Anh T. Anh không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Tại đơn đề nghị đề ngày 05 tháng 3 năm 2020, cháu Trần Tuấn A và cháu Trần Phương T - con chung của chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) trình bày*: Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

4. *Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện Tổ dân phố nơi chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) cư trú cung cấp*:

Vợ chồng chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn HT - huyện YT - tỉnh Hòa Bình vào ngày 11-12-2001. Từ khi kết hôn cho đến nay chị D và anh T sinh sống cùng 03 con chung tại địa phương. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị D là do anh T hay uống rượu, có nợ nần. Về con chung: vợ chồng chị D, anh T có ba con chung là Trần Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-10-2002; Trần Phương Thảo (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-10-2007 và cháu Trần Ngô Anh T (giới tính: Nữ), sinh ngày 25-5-2018. Đại diện tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung của chị D, anh T theo quy định của pháp luật.

6. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPND tham gia phiên tòa có quan điểm*:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T; Về con chung: Giao cháu Trần Phương T (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-10-2007 và cháu Trần Ngô Anh T (giới tính: Nữ), sinh ngày 25-5-2018 cho chị Ngô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Trần Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-10-2002 cho anh Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Ngô Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Minh T (Trần Xuân T) và giải quyết vấn đề nuôi con chung. Bị đơn là anh Trần Minh T (Trần Xuân T) không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về nội D tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HT - huyện YT - tỉnh Hòa Bình vào ngày 11-12-2001. Như vậy hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị D khai do anh T nợ nần, thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho các con. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị D, xử lý hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) theo qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con:

Chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) có ba con chung là: Trần Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-10-2002; Trần Phương Thảo (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-10-2007 và cháu Trần Ngô Anh T (giới tính: Nữ), sinh ngày 25-5-2018. Chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Minh T (Trần Xuân T) có yêu

cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn A và chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương T và cháu Trần Ngô Anh T. Cháu Trần Tuấn A có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cả anh T và chị D đều có điều kiện nuôi con, cháu Trần Tuấn A sắp đến tuổi trưởng thành. Nếu giao cả ba con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi cho anh T, mặt khác sẽ vất vả cho chị D. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Trần Tuấn A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Phương Thảo và cháu Trần Ngô Anh T cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho cả anh T, chị D và các con chung của anh chị.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung của vợ chồng:

Chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Ngô Thị D là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị D đã nộp khi khởi kiện sẽ được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T).

2. Về nuôi con:

Giao cháu Trần Tuấn A (giới tính: Nam), sinh ngày 02-10-2002 cho anh Trần Minh T (Trần Xuân T) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trần Phương Thảo (giới tính: Nữ), sinh ngày 10-10-2007 và cháu Trần Ngô Anh T (giới tính: Nữ), sinh ngày 25-5-2018 cho chị Ngô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ngô Thị D và anh Trần Minh T (Trần Xuân T) có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm chị Ngô Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số 0002808 ngày 26-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TPND.

4. Chị Ngô Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Minh T (Trần Xuân T) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. ND;
- Chi cục Thi hành án TP. ND;
- UBND thị trấn HT - huyện YT - tỉnh Hòa Bình;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh